



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Cử nhân song ngữ Pháp – Việt ngành Quản trị Kinh doanh**

(Áp dụng cho Khóa 58, 59, 60)

(Cập nhật từ chương trình ban hành theo Quyết định số: 383/QĐ-ĐHNT, ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### I.1. Tên chương trình đào tạo:

Tiếng Việt: **Quản trị Kinh doanh (song ngữ Pháp-Việt)**

Tiếng Pháp: **Gestion des entreprises**

#### I.2. Tên ngành: Quản trị Kinh doanh

Mã số: 7340101

#### I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

#### I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy

#### I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

#### I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

#### I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 140 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

#### I.8. Khoa/viện quản lý: Khoa Kinh tế

**I.9. Giới thiệu về chương trình:** Chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh song ngữ Pháp-Việt nhằm đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản trị kinh doanh, những kỹ năng chuyên sâu về quản trị các hoạt động trong doanh nghiệp; thực hiện việc tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới; Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hoặc các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; hoặc các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

### II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

**II.1. Mục tiêu chung:** Chương trình giáo dục đại học ngành Quản trị Kinh doanh song ngữ Pháp-Việt cung cấp cho sinh viên môi trường giáo dục và những hoạt động giáo dục giúp sinh viên hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội.

**II.2. Mục tiêu cụ thể:** Sinh viên tốt nghiệp đại học Quản trị Kinh doanh song ngữ Pháp-Việt có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

**1. Về phẩm chất:** Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ.



## 2. Về kiến thức:

Trang bị cho cử nhân Quản trị Kinh doanh tương lai những kiến thức vững chắc về kinh tế và quản lý để vận dụng vào lĩnh vực kinh doanh. Có kiến thức cơ sở ngành hiện đại và có kiến thức chuyên môn sâu để tổ chức thực hiện các công việc quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức, quản trị hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh và các hoạt động giúp doanh nghiệp vận hành trong nền kinh tế thị trường.

3. Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên của ngành có kỹ năng cơ bản để điều hành doanh nghiệp, năng lực hoạch định, lập kế hoạch kinh doanh và xây dựng chính sách.

## III. CHUẨN ĐẦU RA

### III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

#### A. Về kiến thức:

A.1 Cử nhân song ngữ Quản trị Kinh doanh tốt nghiệp Đại học Nha Trang phải có được:

A.1.1 Khả năng áp dụng các quy luật kinh tế thị trường (cung, cầu...), các biến số môi trường kinh doanh (GDP, lạm phát, thất nghiệp...), luật pháp và các chính sách để phân tích các tác động này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

A.1.2 Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở ngành để thực hiện các chức năng cơ bản của quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm soát;

A.1.3 Khả năng áp dụng kiến thức cốt lõi của ngành học vào thực tiễn, phân tích và xử lý thông tin để dự báo hướng phát triển thị trường, các nghiệp vụ quản lý theo các lĩnh vực chính của ngành quản trị kinh doanh:

A.1.3.1 Quản trị nguồn nhân lực: khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về luật lao động và bảo hiểm xã hội, điều hành và quản trị văn phòng, xác định nhu cầu nhân sự, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, chế độ lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động, đánh giá hiệu quả công tác... để điều hành quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp.

A.1.3.2 Quản trị chiến lược: khả năng phân tích và đánh giá môi trường kinh doanh, xây dựng sứ mạng và mục tiêu, xây dựng chiến lược và chính sách, tổ chức thực hiện, đánh giá và kiểm soát chiến lược doanh nghiệp.

A.1.3.3 Quản trị sản xuất và quản trị chất lượng: tính toán dự báo nhu cầu sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, xây dựng lịch trình sản xuất, hoạch định nhu cầu vật tư, điều hành sản xuất, quản lý hàng tồn kho và quản lý chất lượng sản phẩm

A.1.3.4 Quản trị marketing: lập và triển khai các kế hoạch marketing, nghiên cứu thị trường, đánh giá và lựa chọn thị trường, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.

A.1.3.5 Quản trị tài chính: xây dựng và vận dụng được các chiến lược quản lý tài chính để phục vụ có hiệu quả cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

A.1.4 Khả năng áp dụng kiến thức liên quan đến việc nhận diện những cơ hội kinh doanh hấp dẫn và khởi nghiệp thành công một tổ chức kinh doanh.

## **B. Về kỹ năng:**

- B.1 Có kỹ năng phân tích và ra quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, bao gồm các quyết định từ cấp tác nghiệp cho đến cấp chiến lược; thuộc các chức năng: sản xuất, tài chính, marketing, nhân sự....
- B.2 Có kỹ năng tư duy, sáng tạo; kỹ năng giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực chuyên môn, thuyết trình; kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm; kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, phân tích lập luận đánh giá các quy trình và giải pháp hợp lý.
- B.3 Có kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng lắng nghe và thấu hiểu; kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn; kỹ năng hoạt náo và tổ chức cuộc họp.
- B.4 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ- tiếng Pháp (bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn;

## **C. Về phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe**

- C.1 Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.
- C.2 Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; tinh thần cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc.

## **III.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp**

*Sinh viên tốt nghiệp cử nhân song ngữ ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc trong các lĩnh vực cụ thể sau:*

- Lĩnh vực 1: Quản trị nhân sự, sản xuất, marketing, tài chính,... trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh;
- Lĩnh vực 2: Tổ chức và quản trị bán hàng (bán buôn, bán lẻ, xuất nhập khẩu) của tất cả các loại hình doanh nghiệp thương mại hàng hóa và dịch vụ;
- Lĩnh vực 3: Nghiên cứu, tư vấn và triển khai các vấn đề quản trị doanh nghiệp, xúc tiến thương mại đầu tư.

Cụ thể sinh viên có năng lực làm việc tại các nơi làm việc sau:

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh;
- Các cơ sở giáo dục đào tạo;
- Các cơ quan quản lý nhà nước.

## **IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **IV.1. Cấu trúc chương trình đào tạo**



KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ	Tín chỉ	Tỷ lệ	Tín chỉ	Tỷ lệ
<b>I. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>54</b>	<b>38.6%</b>	<b>42</b>	<b>81.5%</b>	<b>12</b>	<b>18.5%</b>
Khoa học xã hội và nhân văn	20	15.7%	14	72.7%	8	27.3%
Toán, khoa học tự nhiên & môi trường	13	9.3%	11	84.6%	2	15.4%
Ngoại ngữ	8	5.7%	8	100.0%	-	-
Giáo dục thể chất và an ninh quốc phòng	14	7.9%	12	81.8%	2	18.2%
<b>II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>86</b>	<b>61.4%</b>	<b>71</b>	<b>82.6%</b>	<b>15</b>	<b>17.4%</b>
Kiến thức cơ sở ngành	36	25.7%	30	83.3%	6	16.7%
Kiến thức ngành	50	35.7%	41	82.0%	9	18.0%
<b>Cộng</b>	<b>140</b>	<b>100.0%</b>	<b>115</b>	<b>82.1%</b>	<b>25</b>	<b>17.9%</b>

#### IV.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

#### IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang

#### IV.4. Nội dung chương trình đào tạo

Thứ tự	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ theo tiết				Học phần tiên quyết (*)	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lên lớp			Thực hành		
			Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>52</b>						
<b>I</b>	<b>KHOA HỌC XÃ HỘI &amp; NHÂN VĂN</b>	<b>20</b>						
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>14</b>						
1	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2					C.1, C.2	
2	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3				1	C.1, C.2	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2	C.1, C.2	
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3				3	C.1, C.2	
5	Pháp luật đại cương	2					A.1.1, C.1, C.2	
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2					B.2, C.2	

<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>8</b>						
7	Tâm lý học đại cương	2						B.2, C.1, C.2
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2						B.2, C.1, C.2
9	Nhập môn hành chính nhà nước	2						B.2, C.1, C.2
10	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2						B.4
11	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2						B.1, B.2, B.3
<b>II.</b>	<b>TOÁN, KHOA HỌC TỰ NHIÊN, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG</b>	<b>13</b>						
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>11</b>						
12	Đại số tuyến tính	2						
13	Giải tích	3					12	
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3					12	
15	Tin học cơ sở	2						B.4
16	Thực hành Tin học cơ sở	1						B.4
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>						
17	Con người và môi trường	2						
18	Biến đổi khí hậu	2						
<b>III.</b>	<b>NGOẠI NGỮ</b>	<b>8</b>						
19	Tiếng Pháp B1.1	4						B.4
20	Tiếng Pháp B1.2	4						B.4
<b>IV</b>	<b>GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ QUỐC PHÒNG AN NINH</b>	<b>14</b>						
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>12</b>						
21	Điền kinh	1						
22	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	2						
23	Công tác quốc phòng - an ninh	2						
24	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	5						
25	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	2						
<b>IV.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>						



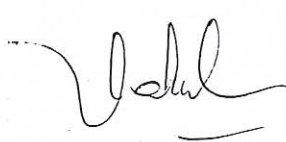
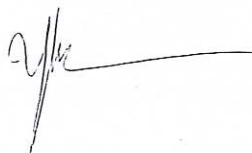
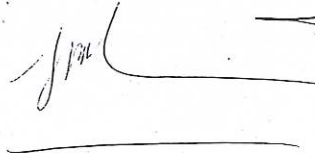
26	Bóng đá	1						
27	Bóng chuyền	1						
28	Cầu lông	1						
29	Võ thuật	1						
30	Bơi lội	1						
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>86</b>						
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>36</b>						
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>30</b>						
31	Kinh tế vi mô	3				12	A.1.1, A.1.2, B.1	
32	Kinh tế vĩ mô	3				30	A.1.1, A.1.2, B.1	
33	Marketing căn bản	3				30	A.1.2, A1.3.4,	
34	Luật kinh doanh (Droit des affaires)	3				5	A.1.1, B.1, B.3, C.1, C.2	
35	Nguyên lý thống kê kinh tế	3				14	A.1.1, A.1.2, B.1	
36	Nguyên lý kế toán	3					A.1.1, A.1.2, B.1	
37	Kinh tế lượng	3				13, 14	A.1.2, B.1, B.2	
38	Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty	3				5	A.1.2, C.1, C.2	
39	Quản trị học	3					A1.1, A1.2, B.1, B.2	
40	Quản trị chất lượng	3				38	A1.3.3, B.1, B.2, B.3	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>6</b>						
41	Tâm lý quản lý	3				7	A1.3.1, A.1.4, B.1, B.2	
42	Tài chính – Tiền tệ	3				14	A1.3.5, B.1, B.2	
43	Dự báo kinh tế và kinh doanh	3				14, 30, 31	A.1.1, A.1.4, B.1, B.2	

44	Kế toán quản trị	3					35, 38	A.1.1, A.1.2, A1.3.5, B.1, B.2
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>50</b>						
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>31</b>						
45	Quản trị nguồn nhân lực (Gestion des ressources humaines)	3					38	A1.3.1,B. 1, B.2, B.3
46	Nghệ thuật lãnh đạo	3					44	A1.3.1,A. 1.4, B.1,B.2, C.2
47	Quản trị sản xuất (Gestion de la production)	3					14, 38,3 9	A1.3.3, B.1,B.2, B.3, B.4
48	Quản trị marketing	3					32, 38	A1.3.4, B.1, B.2
49	Quản trị tài chính (Gestion financière) Analyse des états financiers d'une entreprise (Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp)	3					35, 38	A1.3.5, B.1, B.2, B.3, B.4
50	Quản trị chiến lược	4					6, 38, 48	A1.3.2, B.1, B.2, B.3, B.4
51	Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh	3					46, 48	A.1.1,A.1. 3.3, B.1, B.2
52	Hành vi tổ chức	3					44	A1.3.1, B.1, B.2, C.2
53	Lập kế hoạch kinh doanh (Planification du commerce)	3					42	A.1.2, A.1.4, B.1, B.2, B.3, B.4, C.2
54	Tiếng Pháp chuyên ngành	3					19, 20	B.4

<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9</b>						
	<i>Nhóm học phần tự chọn 1</i>							
55	Quản trị hệ thống thông tin	3					15, 16, 38	A.1.2, B.1, B.2, B.4
56	Quản trị và điều hành văn phòng	3					38, 44	A.1.3.3, B.1, B.2
57	Quản trị dự án	3					48, 49, 50	A.1.1, A.1. 3, B.1, B.2
	<i>Nhóm học phần tự chọn 2</i>							
58	Quản trị công nghệ và đổi mới	3					38, 49	A.1.1, A.1.2, B.1, B.2
59	Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong kinh doanh	3					48, 50	A.1.1, B.1, B.2
60	Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	3					49	A.1.3.2, B.1, B.2
<b>II.3</b>	<b>Khóa luận bằng tiếng Pháp</b>	<b>10</b>						A.1.1, A.1.2, A.1.3, B.1, B.2, B.3, B.4, C.1, C.2

TỔ CẬP NHẬP

TRƯỜNG KHOA/ VIỆN


Đỗ Thị Thanh Vinh    Huỳnh Cát Duyên    Nguyễn T. Hà Trang

Lê Kim Long

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

HIỆU TRƯỞNG



Tô Văn Phương




Trương Sĩ Trung



## IV.5. Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

### IV.5.1 Ngành Quản trị Kinh doanh

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1 (11TC)		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>11</b>
		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2
		Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2
		Pháp luật đại cương	2
		Đại số tuyến tính	2
		Tin học cơ sở	2
		Thực hành tin học cơ sở	1
2 (17TC)		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>9</b>
		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3
		Giải tích	3
		Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>8</b>
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
		Tâm lý học đại cương	2
		Nhập môn hành chính nhà nước	2
		Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2
	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	
3 (16TC)		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>14</b>
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
		Kinh tế vi mô	3
		Nguyên lý thống kê kinh tế	3
		Luật kinh doanh (Droit des affaires)	3
		Quản trị học	3
		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>2</b>
		Con người và môi trường	2
		Biến đổi khí hậu	2
4 (18TC)		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>15</b>
		Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3
		Nguyên lý kế toán	3
		Kinh tế vĩ mô	3
		Kinh tế lượng	3
		Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty	3
		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>3</b>
		Tâm lý quản lý	3
		Tài chính – Tiền tệ	3
5 (15TC)		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>12</b>
		Marketing căn bản	3
		Quản trị chất lượng	3
		Quản trị nguồn nhân lực (Gestion des ressources humaines)	3
		Analyse des états financiers d'une entreprise (Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp)	3
		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>3</b>
		Dự báo kinh tế và kinh doanh	3

		Kế toán quản trị	3
<b>6</b> <b>(17TC)</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>17</b>
		Quản trị sản xuất (Gestion de la production)	3
		Quản trị chiến lược	4
		Tiếng Pháp chuyên ngành	4
		Quản trị marketing	3
		Hành vi tổ chức	3
<b>7</b> <b>(15TC)</b>		<b>Học phần bắt buộc</b>	<b>6</b>
		Lập kế hoạch kinh doanh (Planification du commerce)	3
		Nghệ thuật lãnh đạo	3
		<b>Học phần tự chọn</b>	<b>9</b>
		<i>Nhóm học phần tự chọn 1</i>	
		Quản trị hệ thống thông tin	3
		Quản trị và điều hành văn phòng	3
		Quản trị dự án	3
		<i>Nhóm học phần tự chọn 2</i>	
		Quản trị công nghệ và đổi mới	3
		Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong kinh doanh	3
	Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh	3	
<b>8</b> <b>(12TC)</b>		Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh	2
		Tốt nghiệp – Mémoire de fin d'études	10

**Ghi chú :**

- Tiếng Pháp 1, Tiếng Pháp 2, Tiếng Pháp 3 và tiếng Pháp tăng cường 4 nay theo chương trình mới sẽ được cập nhật là Tiếng Pháp A1, Tiếng Pháp A2.1, Tiếng Pháp A2.2, Tiếng Pháp B1.1, Tiếng Pháp B1.2.
- Học phần Quản trị tài chính (Gestion financière) sẽ được cập nhật thành Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp (Analyse des états financiers d'une entreprise)
- Báo cáo thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Pháp cho mọi sinh viên chương trình song ngữ.
- Do giáo viên chuyên ngữ Pháp ở trường chỉ có 1 nên sẽ mời giảng thêm từ các giáo viên chuyên ngữ trong tỉnh ở các học phần tiếng Pháp A1, A2.1, A2.2.
- Chuẩn đầu ra của chương trình song ngữ là B1 của Trường hoặc DELF A2 quốc tế (đối với sinh viên không lấy chứng chỉ của AUF) và DELF B1 quốc tế (đối với sinh viên nhận chứng chỉ của AUF).